



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**THỰC PHẨM NÔNG SẢN**  
**XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 - 3</b>
<b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>4</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	<b>5 - 8</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	<b>9</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	<b>10 - 11</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	<b>12 - 33</b>

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Sài Gòn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Nông sản Thực phẩm Xuất khẩu TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 5674/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng doanh nghiệp số 0301042973, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 6 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 08 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ : 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-28) 3930 4464
- Fax : (84-28) 3930 3186

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất thực phẩm và đồ uống;
- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế), sản xuất các loại sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất hóa chất và các sản phẩm từ hóa chất;
- Mua bán, bảo dưỡng xe có động cơ và mô tô, xe máy, phụ tùng;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Mua bán và đại lý (trừ xe có động cơ và mô tô, xe máy): nông thủy sản (không gây ô nhiễm môi trường), thực phẩm và đồ uống (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống), gỗ, đồ gỗ tinh chế, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị văn phòng, máy tính, máy in và các thiết bị ngoại vi của máy vi tính, mua bán máy móc phụ tùng máy nông ngư cơ;
- Các hoạt động liên quan đến bất động sản: cho thuê nhà xưởng, văn phòng, kinh doanh nhà ở (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt).

### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Võ Thị Huyền Lan	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 7 năm 2016
Ông Ngô Bình Long	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2016
Ông Phạm Hải Long	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2016
Bà Võ Thị Mỹ	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2016
Ông Nguyễn Xuân Hán	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2016

#### **Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Không Văn Minh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Vũ Đức Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Bà Đặng Thu Hà	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2016



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Ngô Bình Long	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2017
Ông Phạm Hải Long	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2011

## Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Ngô Bình Long – Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2017).

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Ngô Bình Long**  
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 4 năm 2020



Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.0955/20/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06 tháng 4 năm 2020, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



**Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0099-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2020

**Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1199-2018-008-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>139.197.166.327</b>	<b>162.886.141.205</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>40.394.108.826</b>	<b>39.264.045.697</b>
1. Tiền	111		3.394.108.826	5.264.045.697
2. Các khoản tương đương tiền	112		37.000.000.000	34.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>53.000.000.000</b>	<b>84.500.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	53.000.000.000	84.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>43.742.462.344</b>	<b>38.611.817.993</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	5.324.735.743	6.683.109.201
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	259.500.000	5.821.573.880
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	38.158.226.601	26.107.134.912
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.060.595.157</b>	<b>510.277.515</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	9.150.378	15.616.453
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.051.444.779	494.661.062
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>282.167.743.892</b>	<b>230.159.191.771</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>16.162.131.827</b>	<b>20.103.851.053</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	16.127.352.852	20.095.351.050
- Nguyên giá	222		44.671.254.041	45.876.054.041
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.543.901.189)	(25.780.702.991)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	34.778.975	8.500.003
- Nguyên giá	228		152.625.500	110.039.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(117.846.525)	(101.538.997)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.9</b>	<b>56.574.642.195</b>	<b>60.402.031.671</b>
- Nguyên giá	231		102.147.767.103	102.147.767.103
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(45.573.124.908)	(41.745.735.432)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>95.307.549.514</b>	<b>33.888.912.996</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	95.307.549.514	33.888.912.996
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>113.806.616.000</b>	<b>113.806.616.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	99.960.000.000	99.960.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	13.846.616.000	13.846.616.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>316.804.356</b>	<b>1.957.780.051</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	316.804.356	1.957.780.051
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>421.364.910.219</b>	<b>393.045.332.976</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>21.773.014.123</b>	<b>15.172.737.597</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>15.660.899.921</b>	<b>8.107.223.075</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	7.158.495.329	746.912.884
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		26.186.570	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.360.222.211	2.625.899.983
4. Phải trả người lao động	314	V.13	357.279.000	341.017.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	241.817.284	89.868.889
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	2.210.143.548	2.065.828.889
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	3.210.552.415	550.551.402
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	1.096.203.564	1.687.144.028
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.112.114.202</b>	<b>7.065.514.522</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	6.112.114.202	7.065.514.522
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>399.591.896.096</b>	<b>377.872.595.379</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>399.591.896.096</b>	<b>377.872.595.379</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	108.000.000.000	108.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		108.000.000.000	108.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.18	105.775.000.000	105.775.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18	17.965.564.280	17.965.564.280
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	167.851.331.816	146.132.031.099
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		120.857.993.276	146.132.031.099
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		46.993.338.540	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>421.364.910.219</b>	<b>393.045.332.976</b>

Trần Nguyễn Trân  
Người lậpCao Xuân Cường  
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2020

Ngô Bình Long  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	65.183.148.451	75.453.082.825
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		65.183.148.451	75.453.082.825
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	31.973.887.034	46.800.207.096
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33.209.261.417	28.652.875.729
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	42.916.396.627	33.298.708.221
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	20.683.260	134.024.770
Trong đó: chi phí lãi vay	23		13.940.386	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.750.770.942	909.363.631
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	8.805.828.195	6.165.506.230
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		62.548.375.647	54.742.689.319
11. Thu nhập khác	31	VI.7	374.306.633	1.503.506
12. Chi phí khác	32	VI.8	36.783.934	3.666.524.112
13. Lợi nhuận khác	40		337.522.699	(3.665.020.606)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		62.885.898.346	51.077.668.713
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	5.092.559.806	5.583.415.497
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>57.793.338.540</u>	<u>45.494.253.216</u>


Trần Nguyên Trân  
Người lập

Cao Xuân Cường  
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2020

Ngô Bình Long  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		74.395.591.944	80.267.224.128
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(25.843.571.566)	(39.058.622.959)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.583.774.269)	(5.609.991.176)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	VI.4	(13.940.386)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.12	(6.058.850.236)	(9.828.669.224)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		437.040.640	2.559.303.370
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(18.280.425.642)	(20.616.022.799)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>19.052.070.485</b>	<b>7.713.221.340</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7, V.8, V.10, VII	(50.747.294.171)	(29.433.910.125)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.7, VI.7	1.213.636.364	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(87.000.000.000)	(91.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a	118.500.000.000	142.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(30.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	30.771.997.785	39.049.354.684
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>12.738.339.978</b>	<b>31.115.444.559</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

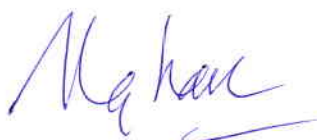
Địa chỉ: 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII	5.000.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII	(5.000.000.000)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16a, V.18	(30.654.603.400)	(32.401.490.268)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(30.654.603.400)</b>	<b>(32.401.490.268)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>1.135.807.063</b>	<b>6.427.175.631</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>39.264.045.697</b>	<b>32.844.787.181</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(5.743.934)	(7.917.115)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>40.394.108.826</b>	<b>39.264.045.697</b>



**Trần Nguyên Trân**  
Người lập



**Cao Xuân Cường**  
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2020

**Ngô Bình Long**  
Tổng Giám đốc

# **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ và kinh doanh thương mại.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, kinh doanh nhà ở và kinh doanh thương mại.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Cấu trúc Công ty**

##### ***Công ty con***

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Thực phẩm Agrex Saigon có trụ sở chính tại Số 10 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là: Sản xuất, chế biến thực phẩm; Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc thuốc lá, thuốc lá trong các cửa hàng chuyên doanh. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 99,96%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

#### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 30 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 30 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### 7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	04 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 08 năm.

### 10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà và cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà	35
Cơ sở hạ tầng	08 - 10

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 13. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### 16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	56.310.038	52.469.960
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.337.798.788	5.211.575.737
Các khoản tương đương tiền (*)	37.000.000.000	34.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>40.394.108.826</b>	<b>39.264.045.697</b>

(\*) Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn. Trong đó khoản tiền gửi với giá trị là 27.000.000.000 VND đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Thực phẩm Agrex Saigon.

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 tháng.

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>99.960.000.000</b>	<b>-</b>	<b>99.960.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Thực phẩm Agrex Saigon (*)	99.960.000.000	-	99.960.000.000	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>13.846.616.000</b>	<b>-</b>	<b>13.846.616.000</b>	<b>-</b>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	13.724.116.000	-	13.724.116.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	122.500.000	-	122.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>113.806.616.000</b>	<b>-</b>	<b>113.806.616.000</b>	<b>-</b>

(\*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1100928386, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 12 tháng 6 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Agrex Saigon 99.960.000.000 VND, nắm giữ 9.960.000 cổ phiếu, tương đương 99,96% vốn điều lệ.

#### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty Cổ phần Thực phẩm Agrex Saigon hiện đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Giao dịch với công ty con*

Các giao dịch phát sinh với Công ty Cổ phần Thực phẩm Agrex Saigon như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cho thuê nhà xưởng	6.000.000.000	6.000.000.000
Doanh thu tiền điện, nước	235.405.659	10.067.682.754
Doanh thu hỗ trợ bán hàng	1.933.183.304	1.638.686.937
Thanh lý tài sản cố định	850.000.000	-
Mua hàng hóa	8.280.598.184	9.545.292.995
Cổ tức được chia	37.407.234.982	24.191.993.074

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>745.617.792</i>	<i>1.577.979.153</i>
Công ty Cổ phần Thực phẩm Agrex Saigon	745.617.792	1.577.979.153
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>4.579.117.951</i>	<i>5.105.130.048</i>
Taylor Nelson Sofres Vietnam Pte., Ltd.	2.592.646.655	2.362.028.534
Công ty Cổ phần Mekong Communications	539.524.588	471.296.848
Các khách hàng khác	1.446.946.708	2.271.804.666
<b>Cộng</b>	<b>5.324.735.743</b>	<b>6.683.109.201</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Môi trường Công nghệ xanh	210.000.000	-
Công ty TNHH Cơ điện lạnh Tân Long	-	1.989.953.730
Các nhà cung cấp khác	49.500.000	3.831.620.150
<b>Cộng</b>	<b>259.500.000</b>	<b>5.821.573.880</b>

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>37.407.234.982</i>	<i>-</i>	<i>24.191.993.074</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Thực phẩm Agrex Saigon - Cổ tức được chia	37.407.234.982	-	24.191.993.074	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>750.991.619</i>	<i>-</i>	<i>1.915.141.838</i>	<i>-</i>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	652.131.508	-	1.743.458.389	-
Tạm ứng	20.000.000	-	107.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	78.860.111	-	64.683.449	-
<b>Cộng</b>	<b>38.158.226.601</b>	<b>-</b>	<b>26.107.134.912</b>	<b>-</b>

**6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	9.150.378	4.475.351
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	11.141.102
<b>Cộng</b>	<b>9.150.378</b>	<b>15.616.453</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	50.231.201	69.524.411
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	266.573.155	1.563.523.210
Các chi phí trả trước dài hạn khác	-	324.732.430
<b>Cộng</b>	<b>316.804.356</b>	<b>1.957.780.051</b>

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	39.352.881.680	1.088.773.806	4.953.273.955	481.124.600	45.876.054.041
Mua trong năm	-	-	1.326.000.000	-	1.326.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.530.800.000)	-	(2.530.800.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>39.352.881.680</b>	<b>1.088.773.806</b>	<b>3.748.473.955</b>	<b>481.124.600</b>	<b>44.671.254.041</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	9.088.176.578	1.088.773.806	-	-	10.176.950.384
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	21.790.958.556	1.086.769.040	2.609.654.459	293.320.936	25.780.702.991
Khấu hao trong năm	3.616.668.715	2.004.766	577.403.555	57.142.739	4.253.219.775
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.490.021.577)	-	(1.490.021.577)
<b>Số cuối năm</b>	<b>25.407.627.271</b>	<b>1.088.773.806</b>	<b>1.697.036.437</b>	<b>350.463.675</b>	<b>28.543.901.189</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	17.561.923.124	2.004.766	2.343.619.496	187.803.664	20.095.351.050
<b>Số cuối năm</b>	<b>13.945.254.409</b>	<b>-</b>	<b>2.051.437.518</b>	<b>130.660.925</b>	<b>16.127.352.852</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

**8. Tài sản cố định vô hình**

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	110.039.000	101.538.997	8.500.003
Mua trong năm	42.586.500	-	-
Khấu hao trong năm	-	16.307.528	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>152.625.500</b>	<b>117.846.525</b>	<b>34.778.975</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	110.039.000	-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 9. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Các thiết bị gắn liền với toà nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	72.245.858.616	29.901.908.487	102.147.767.103
Số cuối năm	<u>72.245.858.616</u>	<u>29.901.908.487</u>	<u>102.147.767.103</u>
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	16.901.909.845	24.843.825.587	41.745.735.432
Khấu hao trong năm	2.019.004.008	1.808.385.468	3.827.389.476
Số cuối năm	<u>18.920.913.853</u>	<u>26.652.211.055</u>	<u>45.573.124.908</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	55.343.948.771	5.058.082.900	60.402.031.671
Số cuối năm	<u>53.324.944.763</u>	<u>3.249.697.432</u>	<u>56.574.642.195</u>

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty là Tòa nhà văn phòng Agrex Tower tại số 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	33.888.912.996	61.418.636.518	95.307.549.514
Cộng	<u>33.888.912.996</u>	<u>61.418.636.518</u>	<u>95.307.549.514</u>

#### 11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả bên liên quan</b>	<b>612.050.012</b>	<b>727.112.884</b>
Công ty Cổ phần Thực phẩm Agrex Saigon	612.050.012	727.112.884
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>6.546.445.317</b>	<b>19.800.000</b>
Công ty TNHH MTV Công nghệ Phú Lộc	2.137.600.000	-
Công ty TNHH Cơ điện Tân Long	1.823.403.457	-
Công ty TNHH Xây dựng Trần Lâm	1.744.112.315	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Đầu tư D.K	712.954.845	-
Các nhà cung cấp khác	128.374.700	19.800.000
Cộng	<u>7.158.495.329</u>	<u>746.912.884</u>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.276.511.742	5.092.559.806	(6.058.850.236)	1.310.221.312
Thuế thu nhập cá nhân	349.388.241	1.638.908.294	(1.938.295.636)	50.000.899
Tiền thuê đất	-	4.210.461.692	(4.210.461.692)	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>2.625.899.983</b>	<b>10.947.929.792</b>	<b>(12.213.607.564)</b>	<b>1.360.222.211</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	62.885.898.346	51.077.668.713
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	36.635.667	1.081.318.963
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(7.917.115)
Thu nhập chịu thuế	62.922.534.013	52.151.070.561
Thu nhập được miễn thuế	(37.459.734.982)	(24.233.993.074)
Thu nhập tính thuế	25.462.799.031	27.917.077.487
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>5.092.559.806</b>	<b>5.583.415.497</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan thuế kiểm tra.

**Tiền thuê đất**

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo thông báo của Cục thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**13. Phải trả người lao động**

Tiền lương còn phải trả người lao động.

**14. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hỗ trợ bán hàng	153.033.380	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.000.000	65.000.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	23.783.904	24.868.889
<b>Cộng</b>	<b>241.817.284</b>	<b>89.868.889</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

Tiền nhận trước về cho thuê bất động sản đầu tư.

**16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	12.686.420	24.727.987
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.397.802.448	461.000.000
Cổ tức phải trả	1.800.063.547	54.666.947
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	10.156.468
<b>Cộng</b>	<b>3.210.552.415</b>	<b>550.551.402</b>

**16b. Phải trả dài hạn khác**

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

**16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	893.193.634	1.065.113.007	(1.923.146.333)	35.160.308
Quỹ phúc lợi	781.771.133	426.045.203	(465.831.954)	741.984.382
Quỹ thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	12.179.261	2.182.879.613	(1.876.000.000)	319.058.874
<b>Cộng</b>	<b>1.687.144.028</b>	<b>3.674.037.823</b>	<b>(4.264.978.287)</b>	<b>1.096.203.564</b>

**18. Vốn chủ sở hữu****18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	108.000.000.000	105.775.000.000	17.965.564.280	139.636.256.495	371.376.820.775
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	45.494.253.216	45.494.253.216
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	(6.598.478.612)	(6.598.478.612)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(32.400.000.000)	(32.400.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>108.000.000.000</b>	<b>105.775.000.000</b>	<b>17.965.564.280</b>	<b>146.132.031.099</b>	<b>377.872.595.379</b>
Số dư đầu năm nay	108.000.000.000	105.775.000.000	17.965.564.280	146.132.031.099	377.872.595.379
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	57.793.338.540	57.793.338.540
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	(3.674.037.823)	(3.674.037.823)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(32.400.000.000)	(32.400.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>108.000.000.000</b>	<b>105.775.000.000</b>	<b>17.965.564.280</b>	<b>167.851.331.816</b>	<b>399.591.896.096</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty Cổ phần Bourbon Bến Lức	26.506.080.000	26.506.080.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Việt Nam	26.127.920.000	26.127.920.000
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	19.800.000.000	19.800.000.000
Jaccar Holdings	17.600.000.000	17.600.000.000
Các cổ đông khác	17.966.000.000	17.966.000.000
<b>Cộng</b>	<b>108.000.000.000</b>	<b>108.000.000.000</b>

**18c. Cổ phiếu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.800.000	10.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.800.000	10.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.800.000	10.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.800.000	10.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.800.000	10.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**18d. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 ngày 23 tháng 4 năm 2019 như sau:

	<b>Số được phân phối</b>	<b>Số trích trong năm trước</b>	<b>Số trích trong năm nay</b>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	32.400.000.000	10.800.000.000	21.600.000.000
• Trích Quỹ khen thưởng	1.065.113.007	-	1.065.113.007
• Trích Quỹ phúc lợi	426.045.203	-	426.045.203
• Trích Quỹ thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	2.182.879.613	-	2.182.879.613

Ngoài ra, Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2019 cho các cổ đông với số tiền 10.800.000.000 VND theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 02/2019/QĐ-HĐQT ngày 18 tháng 10 năm 2019.

**19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 88.335,00 USD (số đầu năm là 59.755,13 USD).



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	11.530.732.021	13.246.104.939
Doanh thu cho thuê văn phòng, nhà xưởng	53.652.416.430	62.206.977.886
<b>Cộng</b>	<b>65.183.148.451</b>	<b>75.453.082.825</b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác.

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng hóa	8.282.981.184	9.546.483.395
Giá vốn cho thuê văn phòng, nhà xưởng	23.690.905.850	37.253.723.701
<b>Cộng</b>	<b>31.973.887.034</b>	<b>46.800.207.096</b>

Năm nay, Công ty đã thay đổi cách hạch toán giá vốn hàng bán. Cụ thể các chi phí nhân viên, chi phí phân bổ của các bộ phận quản lý và bán hàng trình bày trên giá vốn hàng bán được chuyển sang khoản mục chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng (xem thuyết minh số VI.5 và VI.6).

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.436.177.830	9.042.285.407
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	11.499.283	8.949.927
Cổ tức được chia	37.459.734.982	24.233.993.074
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	8.280.702	13.479.813
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	703.830	-
<b>Cộng</b>	<b>42.916.396.627</b>	<b>33.298.708.221</b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	13.940.386	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.742.874	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	134.024.770
<b>Cộng</b>	<b>20.683.260</b>	<b>134.024.770</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.049.551.446	656.249.785
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	377.969.273	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	81.257.575	-
Chi phí hỗ trợ bán hàng	1.104.138.970	-
Các chi phí khác	1.137.853.678	253.113.846
<b>Cộng</b>	<b>4.750.770.942</b>	<b>909.363.631</b>

Năm nay, Công ty đã thay đổi cách hạch toán chi phí bán hàng. Cụ thể chi phí nhân viên, chi phí phân bổ và các chi phí khác của bộ phận bán hàng đang trình bày trên giá vốn hàng bán được chuyển sang chi phí bán hàng (xem thuyết minh số VI.2).

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.793.302.888	2.660.280.354
Chi phí đồ dùng văn phòng	228.533.131	3.909.093
Chi phí khấu hao tài sản cố định	517.011.140	462.263.772
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	6.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	255.865.990	247.645.723
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	1.020.000.000	1.020.000.000
Quỹ trợ cấp mất việc hỗ trợ công ty con	1.137.774.844	883.756.789
Các chi phí khác	847.340.202	881.650.499
<b>Cộng</b>	<b>8.805.828.195</b>	<b>6.165.506.230</b>

Năm nay, Công ty đã thay đổi cách hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp. Cụ thể chi phí nhân viên, chi phí phân bổ và các chi phí khác của các bộ phận quản lý đang trình bày trên giá vốn hàng bán được chuyển sang chi phí quản lý doanh nghiệp (xem thuyết minh số VI.2).

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	172.857.941	-
Tiền thuê đất bị truy thu được hoàn lại	123.772.977	-
Tiền bồi thường	77.000.000	1.500.000
Các khoản thu nhập khác	675.715	3.506
<b>Cộng</b>	<b>374.306.633</b>	<b>1.503.506</b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thuê đất bị truy thu	-	3.602.047.115
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	57.818.966
Các chi phí khác	36.783.934	6.658.031
<b>Cộng</b>	<b>36.783.934</b>	<b>3.666.524.112</b>

**9. Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	606.502.404	3.909.093
Chi phí nhân công	6.842.854.334	6.726.383.017
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.096.916.779	7.648.835.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.435.835.534	25.072.326.927
Chi phí khác	6.265.395.936	4.877.139.301
<b>Cộng</b>	<b>37.247.504.987</b>	<b>44.328.593.562</b>

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong năm, tiền thu từ đi vay và tiền trả nợ gốc vay của Công ty là 5.000.000.000 VND (năm trước không phát sinh giao dịch vay và trả nợ gốc vay).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ liên quan đến đầu tư xây dựng tài sản cố định như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước nhà cung cấp liên quan đến đầu tư xây dựng tài sản cố định	210.000.000	5.772.053.730
Phải trả nhà cung cấp liên quan đến đầu tư xây dựng tài sản cố định	6.477.875.117	-

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng cho thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	25.777.155.311	30.354.283.065
Trên 01 năm đến 05 năm	24.467.480.262	16.328.052.002
<b>Cộng</b>	<b>50.244.635.573</b>	<b>46.682.335.067</b>

#### 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.447.077.646	1.422.265.716
Tiền thưởng	800.946.668	874.116.666
<b>Cộng</b>	<b>2.248.024.314</b>	<b>2.296.382.382</b>

#### **2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty Cổ phần Thực phẩm Agrex Saigon là công ty con.

Giao dịch phát sinh và công nợ với công ty con đã được trình bày tại các thuyết minh số V.2b, V.3, V.5 và V.11.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu bên liên quan khác.

*Cam kết bảo lãnh*

Công ty dùng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng để bảo đảm cho khoản vay của Công ty Cổ phần Thực phẩm Agrex Saigon tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 27.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.1).

#### **3. Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

##### **3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, kinh doanh nhà ở;
- Lĩnh vực kinh doanh thương mại.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực kinh doanh bất động sản</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh thương mại</u>	<u>Cộng</u>
<b>Năm nay</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	53.652.416.430	11.530.732.021	65.183.148.451
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>53.652.416.430</b>	<b>11.530.732.021</b>	<b>65.183.148.451</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Lĩnh vực kinh doanh bất động sản</b>	<b>Lĩnh vực kinh doanh thương mại</b>	<b>Cộng</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	21.155.682.385	(1.503.020.105)	19.652.662.280
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			19.652.662.280
Doanh thu hoạt động tài chính			42.916.396.627
Chi phí tài chính			(20.683.260)
Thu nhập khác			374.306.633
Chi phí khác			(36.783.934)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(5.092.559.806)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>57.793.338.540</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>61.461.223.018</b>	<b>1.360.349.546</b>	<b>62.821.572.564</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>9.373.200.884</b>	<b>307.142.054</b>	<b>9.680.342.938</b>
<b>Năm trước</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	62.206.977.886	13.246.104.939	75.453.082.825
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>62.206.977.886</b>	<b>13.246.104.939</b>	<b>75.453.082.825</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	18.787.747.955	2.790.257.913	21.578.005.868
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			21.578.005.868
Doanh thu hoạt động tài chính			33.298.708.221
Chi phí tài chính			(134.024.770)
Thu nhập khác			1.503.506
Chi phí khác			(3.666.524.112)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(5.583.415.497)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>45.494.253.216</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>23.410.339.122</b>	<b>1.159.853.637</b>	<b>24.570.192.759</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>9.180.903.963</b>	<b>79.695.728</b>	<b>9.260.599.691</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh thương mại	Cộng
<b>Số cuối năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	173.411.950.541	641.423.582	174.053.374.123
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			247.311.536.096
<b>Tổng tài sản</b>			<b>421.364.910.219</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	<b>9.140.054.435</b>	<b>765.083.392</b>	<b>9.905.137.827</b>
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			11.867.876.296
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>21.773.014.123</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	128.016.503.126	1.028.055.628	129.044.558.754
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			264.000.774.222
<b>Tổng tài sản</b>			<b>393.045.332.976</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	<b>10.132.580.702</b>	<b>727.112.884</b>	<b>10.859.693.586</b>
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			4.313.044.011
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>15.172.737.597</b>

**3b. Thông tin về khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, chủ yếu tại TP. Hồ Chí Minh.

**4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Tháng 01 năm 2020, Công ty chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Agrex Saigon hệ thống máy móc thiết bị Module 2 do Công ty đầu tư với giá trị đầu tư 95,7 tỷ VND, hệ thống thiết bị lạnh và máy móc thiết bị chế biến của Nhà máy Chế biến thực phẩm Số 2 với giá chuyển nhượng 32,98 tỷ VND.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

  
Trần Nguyên Trân  
Người lập  
Cao Xuân Cường  
Kế toán trưởng  
Ngô Bình Long  
Tổng Giám đốc